

Bản án số: **633/2024/DS-PT**  
Ngày: 13-12-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Kiều Kim Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/11/2024 và ngày 13/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 593/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ C, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Nguyễn Kim C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số B, Tổ I, Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Kim C:*  
Anh Nguyễn Tý H, sinh năm 1990 (Có mặt); Địa chỉ: Số A, L, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/01/2023).

**2. Bị đơn:** Lê Thị L1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L1: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1961 (Có mặt); Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/11/2024).*

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trương Công K, sinh năm 1968 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, Tổ A, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**4. Người kháng cáo:** Bà Lê Thị L1 là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Chi ủy Q cho anh Nguyễn Tý H đại diện trình bày:** Ngày 16/10/2021 bà L1 có vay của bà C số tiền gốc 150.000.000 đồng, bà L1 có làm giấy mượn tiền ngày 16/10/2021, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/1 tháng. Từ khi vay đến nay bà L1 không trả gốc và lãi cho bà C. Nay bà C yêu cầu bà L1 trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày khởi kiện ngày 11/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 22.119.000 đồng, với lãi suất theo quy định 10%/1 năm. Tổng số tiền gốc và lãi là 172.119.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho anh Nguyễn Tý H đại diện trình bày:** Ngày 06/6/2021 bà L1 có vay của bà L số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/1 tháng. Thời hạn trả là 60 ngày, bà L1 có làm giấy mượn tiền ngày 06/6/2021. Từ khi vay đến nay bà L1 không trả gốc và lãi cho bà L. Nay bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi kể từ ngày 06/8/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo quy định 10%/1 năm với số tiền 43.492.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 193.492.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**- Bị đơn bà Lê Thị L1 trình bày:** Bà không thừa nhận có nợ số tiền 150.000.000 đồng như bà L trình bày, bà L1 không biết bà L là ai, giấy mượn tiền ngày 06/6/2021 mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải là chữ viết của bà L1. Bà L1 không có viết nội dung giấy mượn tiền này, tuy nhiên bà L1 thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên là do ông K nói với bà viết sai nên kêu bà ký lại, do đó bà L1 không có nợ tiền bà L. Nay bà L1 không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với khoản vay của bà C thì bà L1 không thừa nhận có nợ số tiền 150.000.000 đồng như bà C trình bày. Bà L1 thừa nhận có viết nội dung và có ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên nhưng do bà ghi theo yêu cầu của ông K, do khi đó bà L1 có hùn làm ăn với ông K, số tiền 150.000.000 đồng này là tiền ông K chuyển vào đầu tư làm ăn với bà L1. Nay bà L1 không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu khởi kiện của bà C, vì bà L1 không có nợ bà C số tiền trên.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Công K trình bày:** Việc vay nợ giữa các đương sự nêu trên ông K không có liên quan, đối với 02 giấy mượn tiền mà bà L1 nợ bà C và bà L không thể hiện tên ông K. Ông K cũng không biết gì về 02 giấy mượn tiền trên cũng như nội dung trong giấy mượn tiền. Đối với phần trình bày của bà L1 là hoàn toàn vu khống cho ông K. Nếu bà L1 cho rằng ông K chỉnh sửa 02 giấy mượn tiền trên thì bà L1 có thể kiện ông bằng vụ kiện khác.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C đối với bà Lê Thị L1.

Buộc bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 22.119.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 172.119.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Lê Thị L1.

Buộc bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 43.492.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 193.492.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị L1 là người cao tuổi (hiện 62 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Kim C được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0012849 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0012848 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị L1 không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo vào ngày 16/7/2024 yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Đưa anh Nguyễn Văn N (đại diện hợp pháp của Công ty TNHH G) vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc anh N phải có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh lý khoản tiền 150.000.000 đồng mà ông K đã chuyển vào Công ty TNHH G của anh N (giao dịch giữa ông K và anh N); Buộc ông K phải trả giá trị của 182 thùng thuốc mà ông K đã lấy của bà L1 là 364.000.000 đồng; Cho bà L1 được đối chất trực tiếp với ông K và hai người gọi là chủ nợ mà ông K nói là bà C và bà L, hai người này là ai bà L1 không biết họ và không một lần giao dịch với họ.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn bà Lê Thị L1 ủy quyền cho ông Bùi Văn P đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L1. Bởi các căn cứ như: Tòa án sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Văn N tham gia tố tụng để xác định trách nhiệm của bà L1 hay anh N, điều này đã gây thiệt hại cho bà L1, vì số tiền 150.000.000 đồng bà C chuyển vào tài khoản Công ty TNHH G của anh N. Đối với món nợ bà L khởi kiện bà L1, theo lời khai của bà L1 là có cơ sở, vì bà L1 có ký vào 04 tờ giấy trắng ghi họ tên bà L1, nên khi giám định là đúng chữ ký và chữ viết họ tên bà L1, nhưng nội dung biên nhận thì bà L1 không biết do ai viết, do trước đó bà L1 tin tưởng ông Trương Công K công tác ở Công an huyện T, bà L1 có nhờ ông K làm thủ tục ly hôn cho bà, nên có ký tên và ghi họ tên bà L1 vào các tờ giấy trắng đưa cho ông K như theo yêu cầu của ông K, thực tế bà L1 không có nợ tiền của bà L và không quen biết bà L. Việc bà L1 có yêu cầu Tòa án phúc thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ ở Công an thị trấn T, do Tòa án phúc thẩm đã thu thập xong và bị đơn đã được tiếp cận nên không có ý kiến gì. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác minh, nếu có căn cứ thì sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bà L1, còn nếu không có căn cứ thì hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C và bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho anh Nguyễn Tý H đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L1. Bởi vì, theo Biên bản làm việc ngày 11/10/2022 của Công an thị trấn T với bà L1 thì bà L1 đã thừa nhận có nợ tiền vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng. Các Biên nhận bà C và bà L cung cấp cho Tòa án đã được giám định đúng là chữ ký của bà L1 và trong Biên bản đối chất tại Tòa án sơ thẩm thì bà L1 cũng thừa nhận đã ký vào hai biên nhận này. Tại Tòa án sơ thẩm bà L1 yêu cầu Tòa án không đưa anh Nguyễn Văn N tham gia tố tụng. Vì vậy, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn

cứ, nên yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 573/PB-VKS-DS ngày 13/12/2024).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị L1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bà L1 nộp đơn kháng cáo ngày 16/7/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trương Công K vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C cho rằng bà C có cho bà L1 vay số tiền 150.000.000 đồng, bà L1 có làm giấy mượn tiền ngày 16/10/2021 với bà C. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng bà L có cho bà L1 vay số tiền 150.000.000 đồng, bà L1 có làm giấy mượn tiền ngày 06/6/2021. Lãi suất vay các bên thỏa thuận miệng là 3%/1 tháng, từ khi vay đến nay bà L1 không trả gốc và lãi cho bà C, bà L, vì vậy bà C, bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền nợ gốc nêu trên và trả lãi với lãi suất theo quy định 10%/1 năm. Còn bị đơn bà Lê Thị L1 không thừa nhận có vay tiền của bà C và bà L, việc bà L1 viết nội dung và ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên là ghi theo yêu cầu của ông Trương Công K, do khi đó bà hùn vốn làm ăn với ông K, đây là số tiền ông K chuyển vào đầu tư làm ăn chung với

bà L1, vì vậy bà L1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C và bà L. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C, buộc bị đơn bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà C số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 22.119.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 43.492.000 đồng là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C đối với bà L1. Xét hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2021 giữa bà C và bà L1 là có thật, trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, nội dung giấy vay (mượn) tiền thể hiện bà L1 mượn tiền để mua nguyên liệu hàng hóa. Bà L1 thừa nhận bà ghi nội dung và ký tên vào giấy mượn tiền ngày 16/10/2021 nhưng cho rằng ghi theo yêu cầu của ông Trương Công K, số tiền này là tiền ông K hùn vốn đầu tư thuộc bảo vệ thực vật với bà L1, số tiền này có chuyển vào tài khoản của con bà L1 là anh Nguyễn Văn N. Xét trình bày này của bà L1 là không có cơ sở, bởi bà L1 cho rằng không biết bà C là ai nhưng lại viết giấy mượn tiền cho bà C, cũng không có căn cứ chứng minh ông K có liên quan đến việc vay mượn số tiền này. Mặt khác, ông K không thừa nhận có liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà L1 và bà C. Căn cứ vào giấy mượn tiền có cơ sở xác định bà L1 nợ bà C số tiền 150.000.000 đồng, đồng thời theo Biên bản làm việc ngày 11/10/2022 của Công an thị trấn T khi lấy lời khai của bà L1 thì bà L1 thừa nhận có thiếu nợ một hợp đồng vay là của bà Nguyễn Kim C, ngụ xã B mượn tiền vào ngày 16/10/2021 với số tiền là 150.000.000 đồng, nên có cơ sở buộc bà L1 có trách nhiệm trả cho bà C số tiền vay còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà L1. Xét hợp đồng vay tiền ngày 06/6/2021 giữa bà L và bà L1 là có thật, trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, nội dung theo giấy mượn tiền thể hiện thời hạn vay (mượn) 60 ngày bà L1 trả lại. Mặc dù, bà L1 không thừa nhận có nợ bà L và bà L1 không biết bà L là ai, bà L1 không thừa nhận chữ viết trong biên nhận nêu trên là do bà L1 viết ra. Tuy nhiên, bà L1 thừa nhận có ký và ghi họ vào giấy mượn tiền trên. Xét trình bày của bà L1 là không có cơ sở, bởi vì bà L1 cho rằng bà không biết bà L là ai nhưng lại viết giấy mượn tiền 150.000.000 đồng cho bà L là không phù hợp. Căn cứ Kết luận giám định số: 7497/KL-KTHS ngày 24/01/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại TP. thuộc Bộ C1 kết luận chữ ký và chữ viết trên 02 giấy mượn tiền ngày 16/10/2021 và ngày 06/6/2021 là cùng một người viết ra. Từ đó có căn cứ xác định bà L1 có nợ bà L số tiền 150.000.000 đồng buộc bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L có căn cứ.

- Đối với yêu cầu trả lãi của các nguyên đơn bà C và bà L, các nguyên đơn cho rằng lãi suất cho vay thỏa thuận miệng giữa các bên là 3%/1 tháng, sau khi

vay bà L1 không có đóng lãi cho các nguyên đơn cho đến nay, nên yêu cầu bà L1 trả lãi theo mức lãi suất là 10%/1 năm. Xét thấy, các nguyên đơn yêu cầu bà L1 trả lãi là phù hợp theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trả lãi của các nguyên đơn đối với bà L1, mức lãi suất quy định 0,83%/1 tháng (10%/1 năm) với số tiền lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Việc bà L1 cho rằng giữa bà L1 và ông K hùn vốn làm ăn, ông K nợ tiền bà L1, yêu cầu ông K có trách nhiệm trả lại thuộc và tiền còn nợ cho bà. Xét, đây là giao dịch dân sự giữa bà L1 và ông K không có liên quan đến tranh chấp nợ vay giữa các nguyên đơn đối với bà L1 trong vụ kiện này, do đó bà L1 có quyền khởi kiện ông K về việc hùn vốn kinh doanh bằng vụ kiện khác, nên Tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bà L1 đối với ông K trong vụ kiện này là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L1 thừa nhận bà C có chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của anh Nguyễn Văn N là con của bà L1 theo giấy mượn tiền ngày 06/6/2021, nhưng bà L1 không yêu cầu đưa anh N vào tham gia tố tụng để xác định trách nhiệm của anh N, hơn nữa thời điểm này anh N cũng không có mặt tại địa phương theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số: 14/2023/QĐST-VDS ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Do đó, nếu sau này có phát sinh tranh chấp số tiền 150.000.000 đồng mà bà L1 vay tiền bà C để chuyển vào tài khoản của anh N thì bà L1 có quyền khởi kiện vụ việc này bằng vụ án khác là phù hợp.

Từ cơ sở trên cho thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà C và bà Là L có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Lê Thị L1 là ông Bùi Văn P yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác minh, nếu có căn cứ thì sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bà L1, còn nếu không có căn cứ thì hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại, theo hướng đưa anh Nguyễn Văn N (người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH G) vào tham gia tố tụng do là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để buộc anh N phải có nghĩa vụ, trách nhiệm trả khoản tiền 150.000.000 đồng mà ông K đã chuyển vào tài khoản của anh N. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông P đại diện hợp pháp cho bà L1 là không có đủ căn cứ, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên. Mặt khác, tại Tòa án sơ thẩm bà L1 không yêu cầu Tòa án đưa anh N tham gia tố tụng để xác định trách nhiệm của anh N đối với khoản vay của bà C, đồng thời bà L1 cũng không thực hiện các thủ tục khởi kiện đối với ông K trong vụ án này, nên không đủ căn cứ xác định Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay vi phạm nghiêm trọng về nội dung để làm căn

cứ hủy bản án sơ thẩm hoặc làm thay đổi đường lối giải quyết vụ án, vì vậy kháng cáo của bà L1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị L1 được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí và tạm ứng án phí theo quy định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị L1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*



**Ngô Tấn Lợi**